

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN ĐỨC PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN ĐỨC PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN DUC PHAT TRADING AND CONSTRUCTION LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: AN DUC PHAT., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109696314

3. Ngày thành lập: 06/07/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Km 10 Dốc Xưởng Phím, Quốc Lộ 3, Thôn Nghĩa Lại, Xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0931563636

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
2.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
3.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
4.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
5.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
6.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
7.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
8.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
9.	Sản xuất máy luyện kim	2823
10.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
11.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
12.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
13.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chế tạo các loại máy móc, thiết bị xử lý nước	3290
14.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
15.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
16.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
17.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
18.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
19.	Cơ sở lưu trú khác	5590
20.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

21.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
22.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
23.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
24.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
25.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
26.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
27.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
28.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
29.	Thu gom rác thải độc hại	3812
30.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
31.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
32.	Tái chế phế liệu	3830
33.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
34.	Xây dựng nhà để ở	4101
35.	Xây dựng nhà không để ở	4102
36.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
37.	Xây dựng công trình điện	4221
38.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
39.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
40.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
41.	Phá dỡ	4311
42.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
43.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
44.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
45.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
46.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
47.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
48.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa	4610
49.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: + Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác + Buôn bán nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; + Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	4620
50.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
51.	Bán buôn thực phẩm	4632
52.	Bán buôn đồ uống	4633
53.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634

54.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
55.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ và hàng trang trí nội thất	4649
56.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
57.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
58.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
59.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn thiết bị và vật tư ngành nông nghiệp, công nghiệp, ngành điện	4659
60.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
61.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
62.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
63.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
64.	Bán buôn tổng hợp	4690
65.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
66.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4719
67.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
68.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
69.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
70.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
71.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
72.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
73.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
74.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

75.	Bán lẻ bằng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
76.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
77.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
78.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (loại trừ kinh doanh vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
79.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
80.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4799
81.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
82.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
83.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
84.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) chi tiết: Dịch vụ vận chuyển hành khách	4931
85.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
86.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa	4933
87.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
88.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
89.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
90.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
91.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
92.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
93.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
94.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
95.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
96.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất	7410
97.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng và Tư vấn chứng khoán)	7490
98.	Cho thuê xe có động cơ	7710

99.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu	7730
100.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
101.	Trồng cây hồ tiêu	0124
102.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
103.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
104.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
105.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
106.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
107.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
108.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
109.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
110.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
111.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
112.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
113.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
114.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
115.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
116.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
117.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
118.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
119.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
120.	Sản xuất đường	1072
121.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
122.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
123.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
124.	Sản xuất chè	1076
125.	Sản xuất cà phê	1077
126.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất dấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo	1079
127.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
128.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104

129.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
130.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
131.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
132.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
133.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
134.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
135.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
136.	Sản xuất than cốc	1910
137.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
138.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
139.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
140.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
141.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
142.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
143.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
144.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
145.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
146.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
147.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
148.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
149.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
150.	Đúc sắt, thép	2431
151.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
152.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: - Mạ, đánh bóng kim loại... - Xử lý kim loại bằng phương pháp nhiệt; - Phun cát, trộn, làm sạch kim loại; - Nhuộm màu, chạm, in kim loại; - Phủ á kim như: Tráng men, sơn mài... - Mài, đánh bóng kim loại; - Khoan, tiện, nghiền, mài, bào, đục, cưa, đánh bóng, hàn, nối...các phần của khung kim loại; - Cắt hoặc viết lên kim loại bằng các phương tiện tia lazer.	2592
153.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Không bao gồm Hoạt động Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội	2599

154.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
155.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
156.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
157.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
158.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
159.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
160.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
161.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN CÔNG ĐỨC	Việt Nam	Số 53 đường Làng Vạc, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hoà, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	2.970.000.000	99,000	186225208	
2	LÊ QUANG ĐẠO	Việt Nam	Xóm 7 thôn Phú Lương Thượng, Xã Quảng Phú Cầu, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	30.000.000	1,000	017117770	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN CÔNG ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/11/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 186225208

Ngày cấp: 16/07/2019

Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú: số 53 đường Làng Vạc, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hoà, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: số 53 đường Làng Vạc, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hoà, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội